

Số: 07/BC-CT-BKS

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định trong Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty (TCT) ngày 19/06/2018, Quyết định số: 0005/QĐ-CT-BKS về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của BKS và các Quy định có liên quan; Ban kiểm soát đã hợp thống nhất thông qua Báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 của TCT bao gồm những nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

1. Tổng kết hoạt động của BKS

1.1. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của Ban kiểm soát

Năm 2018, thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên tổ chức ngày 19/06/2018, đại hội đã tiến hành giới thiệu, bầu nhân sự BKS mới cho nhiệm kỳ còn lại (2015-2020) là 03 đồng chí (01 trưởng ban và 02 thành viên).

a) Công tác tổ chức cuộc họp của BKS

- Ban Kiểm soát đã tổ chức phiên họp đầu tiên đề cử, bầu 01 đồng chí làm Trưởng ban ngay trong cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 19/6/2018.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định:

+ Hợp phân công nhiệm vụ, mô tả chức năng nhiệm vụ Ban kiểm soát;

+ Hợp thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát (cơ sở pháp lý Luật doanh nghiệp 68/2014 và theo dự thảo Quy chế tổ chức hoạt động của Ban đầu tư tài chính Tập đoàn).

b) Các hoạt động của Ban kiểm soát

Ngoài các cuộc họp của Ban kiểm soát nêu trên, BKS thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến từ HĐQT/BĐH và các ý kiến của các thành viên BKS thông qua thư điện tử Email và trang văn bản Voffice để triển khai nhiệm vụ như sau:

- BKS trực tiếp tham gia các cuộc họp, giám sát việc ra Nghị quyết Quý của HĐQT về chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh; ban hành quy chế, quy

định theo phân cấp ủy quyền trong Điều lệ tổ chức hoạt động và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Tham gia các cuộc họp giao ban, sơ kết tháng/quý/6 tháng/năm để nắm bắt thông tin, tình hình hoạt động và thông qua các kết luận của các cuộc họp của HĐQT/BĐH làm cơ sở cho việc giám sát.

- Giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét, kiểm toán BCTC thông qua: *chương trình của Công ty kiểm toán độc lập; nhân sự; hợp đồng kiểm toán; thủ quản lý; Biên bản ghi nhớ; Kết luận kiến nghị của kiểm toán, nhằm đánh giá chất lượng kiểm toán.*

- Tham gia rà soát, đóng góp ý kiến sửa đổi bổ sung vào các dự thảo quy chế, quy định trước khi trình HĐQT ký ban hành theo phân cấp ủy quyền.

- Tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo chiến lược SXKD giai đoạn 2018-2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Tham gia họp, giám sát tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của BĐH/HĐQT phục vụ báo cáo ĐHĐCĐ tại phiên họp thường niên năm 2018.

- Thực hiện các công việc khác quy định tại Điều lệ TCT, Quy chế hoạt động của BKS, các quy chế nội bộ của TCT và các quy định của Pháp luật có liên quan.

c) Đánh giá kết quả hoạt động

Ưu, nhược điểm: Trong năm qua, các thành viên Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Tuy nhiên, năm 2018 bộ máy hoạt động phân tán, kiêm nhiệm, chưa phát huy được ưu thế trong hoạt động. Do vậy, công tác giám sát chưa đạt hiệu quả.

1.2. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2018, việc chi trả lương, thù lao BKS được thực hiện theo đúng mức đã được ĐHĐCĐ thông qua, chi tiết theo Tờ trình Về việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2018 và đề xuất mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2019.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Tổng công ty

Qua quá trình hoạt động giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT/TGĐ Tổng công ty trong năm 2018, Ban kiểm soát đánh giá như sau:

1.1. Giám sát tình hình hoạt động

Năm 2018, Tổng công ty chuyển giao, bổ sung nhân sự quản lý cấp cao vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành và bổ sung một số vị trí lãnh đạo quản lý chủ chốt. Hoạt động điều hành kinh doanh đi vào ổn định, đảm bảo tốc độ tăng trưởng mọi mặt so với cùng kỳ; hoạt động vận hành khai thác trong nước đảm bảo các chỉ tiêu 8/8 KPI chính so với target SLA từ 11-90%. Đặc biệt ngày 11/9/2018 công bố đổi tên “*Công ty cổ phần Công trình Viettel*” thành “*Tổng công ty Cổ phần Công trình Viettel*” bước vào giai đoạn phát triển thứ 4 với 4 ưu tiên chiến lược đặt ra trong giai đoạn 2018 – 2020 (*Lĩnh vực vận hành khai thác, lĩnh vực Xây lắp, lĩnh vực Đầu tư hạ tầng cho thuê và Giải pháp tích hợp hệ thống*). Bên cạnh đó TCT đã xây dựng bộ máy hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách.

Tuy nhiên, năm 2018 cũng là năm khó khăn đối với lĩnh vực xây lắp mới hạ tầng viễn thông trong nước giảm, nhà mạng tập trung vào bảo dưỡng, duy trì hạ tầng mạng lưới. Nguồn việc xây lắp tại các thị trường Viettel đầu tư giảm. Các đối thủ bắt đầu thực hiện thuê ngoài vận hành khai thác (Mobifone, FPT, CMC,...); trước tình hình đó, Tổng công ty đã tập trung đẩy mạnh công tác tìm kiếm nguồn việc bên ngoài, vận hành chạy thử khoán vật tư thuê bao cố định băng rộng với TCT Viễn thông, mục tiêu tiết kiệm chi phí vật tư; đồng thời TCT đã thử nghiệm vận hành khai thác tại một số tỉnh thuộc thị trường Cambodia, Myanmar, kết quả vận hành đạt tốt hơn so với target của chủ đầu tư;

Năm 2018 là năm đầu tiên Tổng công ty thực hiện hóa chiến lược phát triển kinh doanh giai đoạn 2018-2020 và tầm nhìn 2025, như tập trung vào chiến lược có lợi thế mạnh: mở rộng VHKT ra nước ngoài; nâng cao giải pháp tích hợp hệ thống IoT, smart city phục vụ khách hàng Chính phủ và KHDN, chuyển dịch từ nhà thầu xây lắp thành nhà đầu tư hạ tầng cho thuê (Towerco).

1.2. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị có sự chuyển giao nhân sự cấp cao Chủ tịch HĐQT và các thành viên. Tuy nhiên, việc triển khai, điều hành vẫn đảm bảo tuân thủ đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2018. Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đều được chuẩn bị nội dung, họp nghiêm túc; các thành viên tham gia đóng góp ý kiến có tính trách nhiệm cao, đảm bảo cả về chất và nội dung, các cuộc họp có sự tham gia của Ban kiểm soát. Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều được sự thống nhất, thông qua các ý Kiến đóng góp của các

thành viên phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ hoạt động của Tổng công ty.

Với bộ máy hoạt động chuyên trách: Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên HĐQT và Tiểu ban thư ký HĐQT là bộ máy giúp việc cho HĐQT hoạt động hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo tính tuân thủ và thượng tôn pháp luật.

Hội đồng quản trị tăng cường tập trung vào công tác ra chiến lược, chỉ đạo, giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh từng tháng/quý; đẩy mạnh việc rà soát, ban hành bổ sung, sửa đổi thay thế các quy chế đã hết hạn, không phù hợp,... đảm bảo tuân thủ pháp luật.

1.3. Giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc:

Năm 2018, công tác điều hành vẫn đảm bảo đúng chiến lược, hoàn thành kế hoạch kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT đề ra; Thông qua hoạt động điều hành SXKD của Tổng Giám đốc, việc tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp vào Nghị quyết hàng tháng/quý của HĐQT sẽ giúp việc ra Nghị quyết đảm bảo phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hơn.

Tổ chức triển khai, điều hành công việc hàng ngày của Tổng Công ty theo các chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Tổng Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc tuân thủ đúng các Nghị quyết của HĐQT, phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình.

Mở rộng ngành nghề lĩnh vực kinh doanh ngoài OS (ngoài Tập đoàn); chủ động nhận giao khoán vật tư cố định bằng rộng triển khai lắp đặt mới, xử lý sự cố duy trì thuê bao xây dựng định mức chi tiết đến 679 quận huyện/62 tỉnh/tp.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã có nhiều nỗ lực trong điều hành, đột phá trong cách quản lý, quản lý tốt chi phí, dòng tiền để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra trong năm 2018.

1.4. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2018.

- Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh của TCT năm 2018 so với kế hoạch như đã nêu, đảm bảo thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã đề ra.

- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ năm 2018 bằng phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông tỷ lệ 10%, tương ứng với 4.712.334 cổ phiếu, tăng



51.835.043 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đ/cổ phiếu, tổng số tiền vốn điều lệ tăng sau khi chi trả tương ứng 518.350.430.000 đ.

- Hoàn thành chi trả cổ tức của năm 2017 cho cổ đông trong năm 2018 bằng tiền giá trị 10%.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập Công ty hăng kiểm toán AASC và đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018.

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018 theo đúng nội dung của Nghị quyết.

- Đổi tên “Công ty cổ phần Công trình Viettel” thành “Tổng công ty Cổ phần Công trình Viettel” bước vào giai đoạn phát triển thứ 4.

2. Kết quả Thẩm định báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh 2018

2.1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

a. Về việc thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính chính hợp nhất năm 2018 được lập trên cơ sở lựa chọn chính sách kế toán phù hợp, được áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.

- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi CT TNHH Hăng kiểm toán AASC chấp nhận toàn phần và có ý kiến phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Báo cáo tài chính năm 2018, TCT Cổ phần Công trình Viettel đã công bố thông tin liên quan đến tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

b. Về kiểm toán báo cáo tài chính

- Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2. Tình hình tài chính Tổng công ty tại ngày 31/12/2018

Căn cứ đánh giá, BKS dựa trên số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của TCT Cổ phần Công trình Viettel đã được kiểm toán.

a. Số liệu kết quả kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng./.

TT	Chỉ tiêu	TH 2018KT	KH 2018	TH 2017	TH 2018KT/KH 2018	TH 2018KT/TH 2017
1	Doanh thu	4.276.731	4.168.314	3.302.042	102,6%	129,5%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	17.583	-	6.100		288,3%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	171.161	-	127.419		134,3%
4	Lợi nhuận trước thuế	189.661	188.624	154.857	100,5%	122,5%
5	Lợi nhuận sau thuế	146.958	145.292	117.915	101,1%	124,6%
6	EPS	2.834	2.936	2.273	96,5%	124,7%
7	Dòng tiền ròng	150.947	160.568	122.645	94,0%	123,1%

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính, Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực hiện năm 2018 đều vượt so với kế hoạch như đã nêu trên.

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 Tổng công ty tăng trưởng đạt và vượt kế hoạch, cụ thể doanh thu hoàn thành 102,6% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao, tăng trưởng 29,5% so với năm 2017.

- Chất lượng tăng trưởng:

o Kết quả tăng trưởng năm 2018 thể hiện ở mức tăng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 34,3% cao hơn mức tăng doanh thu là 29,5% nhưng tăng trưởng này được đóng góp chính từ hoạt động tài chính tăng mạnh 288,3% so với năm 2017 (tương ứng tăng lợi nhuận thuần là 15,2 tỷ đồng).

o Chi phí giá vốn tăng 29,9% nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu (29,5%) làm suy giảm lợi nhuận thuần tương ứng 11,5 tỷ đồng.

o CP QLDN chỉ tăng 25,6% thấp hơn tốc độ tăng doanh thu nên đóng góp vào lợi nhuận thuần tăng 3,2 tỷ đồng.

o Dòng tiền ròng chỉ đạt 94% kế hoạch nhưng vẫn tăng 23,1% so với năm 2017 (tương ứng tăng 28,3 tỷ đồng).

b. Số liệu nguồn vốn, tài sản tại thời điểm 31/12/2018

ĐVT: Triệu đồng./.

Chỉ tiêu	TH 2018KT	TH 2017	TH18-17	TH18/TH17
I/ Tổng tài sản	2.320.859	1.831.709	489.151	↑ 127%
1. Tài sản ngắn hạn	2.258.571	1.800.785	457.786	↑ 125%
1. Tài sản dài hạn	62.288	30.923	31.365	↑ 201%
II/ Tổng nguồn vốn	2.320.859	1.831.709	489.151	↑ 127%
1. Nợ ngắn hạn	1.545.036	1.131.874	413.162	↑ 137%
2. Nợ dài hạn	0	0	0	
3. Vốn chủ sở hữu	775.823	699.834	75.989	↑ 111%
3.1. Vốn góp của chủ sở hữu	518.350	471.233	47.117	↑ 110%
3.2. Quỹ đầu tư phát triển	48.685	48.685	0	↑ 100%
3.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	219.875	182.850	37.025	↑ 120%

Bảng số liệu cho thấy tổng tài sản, nguồn vốn của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 2.320 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2017. Trong đó nguồn vốn chủ sở hữu tăng thêm 75 tỷ đồng, tăng 11,1% so với năm 2017.

c. Các chỉ số tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2018KT	NĂM 2017
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	97,3%	98,3%
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	1,9%	1,5%
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	66,6%	61,8%
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	33,4%	38,2%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,27	0,07
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,46	1,59
4	Tỷ suất sinh lời			
	Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần	%	4,4%	4,7%
	Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu	%	25,7%	23,0%
	Lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	19,9%	17,5%
	Lợi nhuận ST/Tổng tài sản (ROA)	%	7,1%	7,5%

Đánh giá chung:

- Cơ cấu tài sản chủ yếu tài sản ngắn hạn chiếm hơn 97% cả năm 2017 và năm 2018.

- Nợ phải trả tăng từ 61,8% năm 2017 lên 66,6% năm 2018 nhưng khả năng thanh toán vẫn đảm bảo (chỉ số thanh toán hiện hành 1,46 lần).

- Khả năng sinh lời năm 2018 tăng so với năm 2017 do ROE đạt 19,9% cao hơn so với các Công ty cùng ngành nghề đang niêm yết trên thị trường chứng khoán (Công ty đầu tư xây dựng bưu điện – PTC ROE từ năm 2015-2018 đều thấp hơn 10%; Công ty CP dịch vụ xây dựng bưu điện – PTO từ năm 2016-2018 ROE đều thấp hơn 7%...), năm 2018 ROA duy trì mức hơn 7% nhưng thấp hơn năm 2017 (là 7,5%).

2.3. Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất

a. Nợ phải thu

- Đánh giá chung:

o Báo cáo tài chính hợp nhất:

ĐVT: Triệu đồng./.



Chỉ tiêu	TH 2018KT	TH 2017	TH18-17	TH18/TH17
Tổng phải thu ngắn hạn	1 361 978	1 198 685	163 293	14%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	899 698	897 480	2 218	0%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	143 920	89 151	54 768	61%
3. Phải thu ngắn hạn khác	332 270	235 770	96 500	41%
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	- 13 910	- 23 716	9 806	-41%

Công nợ phải thu tại ngày 31/12/2018 tăng so năm 2017 là 163 tỷ đồng tăng 14%, trong đó: trả trước cho người bán tăng cao 54,7 tỷ đồng, tăng 61% và phải thu khác 96,5 tỷ đồng tăng 41%.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2018KT	NĂM 2017	NĂM 2016
1	Số vòng quay các khoản phải thu ngắn hạn	lần	3,34	3,26	2,20
2	Số ngày thu hồi công nợ bình quân	Ngày	109,27	112,04	166,10

Khả năng thu hồi công nợ phải thu đã được cải thiện qua các năm từ 166 ngày năm 2016 xuống 109 ngày năm 2018 nhưng vẫn chậm gần 3 lần so với tốc độ trả nợ người bán là 37 ngày năm 2018 tại mục c dưới đây.

b. Hàng tồn kho

- Báo cáo tài chính hợp nhất:

ĐVT: Triệu đồng./.

Chỉ tiêu	TH 2018KT	TH 2017	TH18-17	TH18/TH17
Tổng hàng tồn kho	440 495	490 251	- 49 756	-10%
1. Hàng tồn kho	456 683	507 564	- 50 881	-10%
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	- 16 188	- 17 313	1 125	-6%
3. Giá vốn hàng bán	4 017 972	3 093 210	924 762	30%

Hàng tồn kho năm 2018 giảm 97 tỷ đồng (giảm 10%) mặc dù giá vốn hàng bán năm 2018 tăng 924 tỷ (tăng 30%) so năm 2017, như vậy công tác quản trị số dư hàng tồn kho năm 2018 đã tối ưu hơn so với năm 2017, thể hiện qua các chỉ số vòng quay hàng tồn kho ở bảng dưới đây:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2018KT	NĂM 2017	NĂM 2016
1	Số vòng quay hàng tồn kho	vòng	8,63	7,62	3,35
2	Số ngày tồn kho bình quân	Ngày	42,28	47,89	109,04

Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 7,58 vòng/năm 2017 lên 8,63 vòng/năm 2018 nên số ngày lưu kho bình quân **giảm gần 6 ngày** từ 47,9 ngày năm 2017 xuống 42,2 ngày năm 2018 => **tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động.**

c. Nợ phải trả

- Báo cáo tài chính hợp nhất:

ĐVT: Triệu đồng./.

Chi tiêu	TH 2018KT	TH 2017	TH18-17	TH18/TH17
Tổng nợ phải trả	1 545 036	1 131 874	413 162	37%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	470 178	337 123	133 055	39%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	25 167	34 809	- 9 642	-28%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	47 050	42 261	4 789	11%
4. Phải trả người lao động	633 112	162 370	470 742	290%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	244 989	323 803	- 78 813	-24%
6. Phải trả ngắn hạn khác	92 367	159 142	- 66 775	-42%

Công nợ phải trả năm 2018 tăng 413 tỷ đồng (tăng 37%) so với năm 2017, do 2 khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng 133 tỷ đồng và phải trả người lao động tăng 470,7 tỷ đồng các khoản phải trả còn lại đều giảm, tổng mức giảm là 150 tỷ đồng.

TT	Chi tiêu	ĐVT	NĂM 2018KT	NĂM 2017	NĂM 2016
1	Tỷ số đảm bảo nợ ngắn hạn	lần	1,46	1,59	1,94
2	Số vòng quay các khoản phải trả người bán NH	lần	9,95	10,73	7,20
3	Số ngày	ngày	37	34	51

Do vòng quay các khoản phải trả người bán ngắn hạn năm 2018 giảm không đáng kể so với năm 2017.

Như vậy, thời gian thanh toán công nợ phải trả người bán thấp hơn 3 lần so với thời gian phải thu công nợ phải thu khách hàng => Tổng Công ty đang mất cân đối về thời gian luân chuyển và bị chiếm dụng vốn.

3. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT/TGĐ và ĐHĐCĐ

- Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2018-2019, Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT/TGĐ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của TCT, của cổ đông và theo quy định của Pháp luật, Điều lệ hoạt động của TCT. Các cuộc họp sơ kết quý/năm kiểm soát viên đều được mời tham dự đầy đủ.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ quy định theo Điều lệ của TCT và quy định của Pháp luật.

III. MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1. Mục tiêu kế hoạch

- Giám sát toàn bộ mọi hoạt động của Tổng công ty; đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; quản lý, sử dụng và bảo toàn vốn.

- Giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc ban hành, tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định đảm bảo thượng tôn pháp luật.

- Lập kế hoạch giám sát trực tiếp theo chuyên đề hàng tháng/quý, nhằm phát hiện phân tích sâu vấn đề tồn tại, cảnh báo nguy cơ, rủi ro kịp thời, yêu cầu khắc phục đảm bảo tuân thủ pháp luật.

- Đôn đốc, hỗ trợ các đơn vị khắc phục tồn tại các kết luận thanh kiểm tra.

2. Kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện

2.1. Nội dung kế hoạch

- Thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động, Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác giám sát thường xuyên, thông qua các chuyên đề giám sát tháng/quý/năm.

- Tổ chức xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập....; Giám sát nội dung, tiến độ việc lập và soát xét, kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty kiểm toán Độc lập...

- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát.

- Xây dựng kế hoạch giám sát theo chuyên đề tập trung vào các lĩnh vực: *Tài chính, đầu tư mua sắm, dự án, tiền lương, chi phí, công nợ ...*

- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh; báo cáo tài chính năm 2018 (*trong Quý 1/2019*) và Báo cáo tài chính 6 tháng/năm 2019 trước và sau kiểm toán độc lập.

- Giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Tổng Công ty.

- Giám sát hoạt động công bố thông tin định kỳ và bất thường của Tổng Công ty.

- Kiểm tra các đề xuất từ phía các cổ đông tới BKS (nếu có).

- Tăng cường việc giám sát công tác họp, ra Nghị quyết của HĐQT và việc ban hành các quy chế thuộc thẩm quyền.

- Thực hiện các công việc khác quy định tại Điều lệ TCT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, các quy chế nội bộ của TCT và các quy định của pháp luật có liên quan.

2.2. Tổ chức thực hiện

Năm 2019, Tổng công ty với những mục tiêu lớn, kế hoạch mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động trong và ngoài nước, đồng thời đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm việc làm “All in One”, xây dựng hạ tầng cho thuê,... do vậy, đòi hỏi BKS

tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động sát với thực tiễn, tăng cường hoạt động giám sát nhằm phát hiện những tồn tại, vướng mắc, cảnh báo kịp thời giúp đơn vị khắc phục, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết theo tháng/quý.
- Phân công nhiệm vụ đến từng thành viên trong ban.
- Đẩy mạnh việc rà soát các quy chế, quy định, định mức, giám sát việc tuân thủ và ban hành đảm bảo theo quy định của pháp luật.
- Tăng cường hoạt động giám sát trực tiếp tại các đơn vị theo chuyên đề nhằm phân tích sâu, tìm nguyên nhân, đưa ra cảnh báo, hướng xử lý khắc phục tồn tại.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã tạo điều kiện tốt để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Kính trình./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGÔ QUANG TUỆ